

BÁO CÁO CẬP NHẬT

Ngành Ngân hàng

QUÝ 2 NĂM 2026

27/08/2026

Áp lực thanh khoản được kỳ vọng hạ nhiệt vào nửa cuối năm

Tín dụng toàn hệ thống H1/2026 tăng 8,37% YTD (H1/2025: +9,9% YTD), riêng Q2/2026 tăng 5,03% QoQ. Huy động tiền gửi đã có mức hồi phục tương đối tốt trong Q2/2026 (+5,2% QoQ) trong bối cảnh mặt bằng lãi huy động neo cao. Tuy nhiên, lũy kế đầu năm tiền gửi khách hàng toàn hệ thống chỉ tăng 5,6% YTD, vẫn chậm hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đẩy tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) thuần của các ngân hàng trong danh mục theo dõi lên mức kỷ lục 114,2% (Q4/2025: 110,6%).

Trong Q2/2026, Chi phí vốn ¹ (COF) tăng thêm 60 đcb QoQ lên 4,81%, song lợi suất tài sản sinh lãi (IEAY) tăng nhanh hơn (+74 đcb QoQ, lên 7,62%) khi các khoản vay lần lượt đến kỳ điều chỉnh lãi suất, đưa biên lãi ròng (NIM) phục hồi lên 3,12% (Q1/2026: 2,95%); cùng với thu nhập dịch vụ tăng 70,0% YoY và chi phí hoạt động được kiểm soát (CIR 28,9%, Q2/2025: 31,0%), tổng lợi nhuận sau thuế (LNST) Q2/2026 của các ngân hàng trong danh mục theo dõi tăng 25,4% YoY. Lũy kế H1/2026, tổng LNST tăng 19,8% YoY.

Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của danh mục theo dõi gần như đi ngang so với quý trước, ở mức 2,01% tại Q2/2026 (Q1/2026: 2,00%). Tuy nhiên, nợ nhóm 2 tăng 14 đcb QoQ lên 1,38%, cao nhất trong năm quý gần nhất, trong khi bộ đệm dự phòng tiếp tục mỏng đi khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) giảm về 79,0% (-60 đcb QoQ).

Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng tín dụng hệ thống năm 2026 đạt 16,0% và danh mục theo dõi đạt 16,9%, được hỗ trợ bởi nhu cầu vốn dài hạn cho các dự án trọng điểm. Thanh khoản và lãi suất huy động được kỳ vọng hạ nhiệt trong nửa cuối năm nhờ (i) giải ngân đầu tư công tăng tốc về cuối năm, (ii) NHNN nâng tỷ lệ tiền gửi Kho bạc Nhà nước được tính vào LDR từ 20% lên 50%, ước tính giảm khoảng 2 đpt LDR cho nhóm NHTMNN tạo thêm dư địa cho vay và (iii) Thông tư 25/2026 nới trần vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn lên 40%, giảm nhu cầu huy động kỳ hạn dài. Theo đó, NIM 2026 dự kiến đạt 3,04%, NPL toàn danh mục ở mức 1,90% với LLCR về 81,9% và LNST tăng 13,5% YoY nhờ kiểm soát chi phí hoạt động.

Nguyễn Duy Tùng

Phó Trưởng phòng Phân tích

tungnd@tmr.vn

Nội dung

Tăng trưởng tín dụng	2
Nguồn vốn và thanh khoản	4
Chất lượng tài sản	8
Khả năng sinh lời	10
Phụ lục 1: Danh sách các ngân hàng	13
Phụ lục 2: Một số chỉ tiêu chính	14
Phụ lục 3: Cập nhật thay đổi pháp lý	15

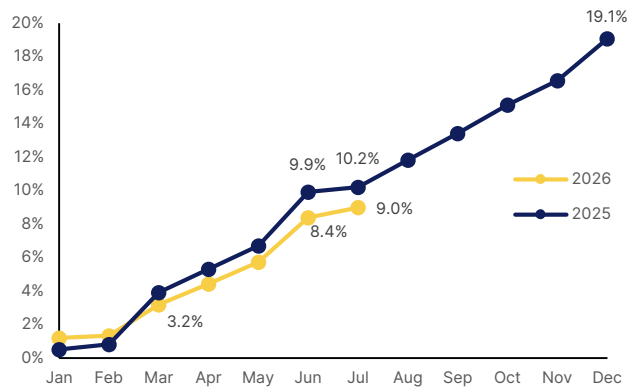
¹ Các chỉ tiêu được tính trên số liệu tổng của 27 ngân hàng trong danh mục theo dõi của chúng tôi

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

Tín dụng tăng tốc trong Q2/2026; phân hóa giữa các nhóm ngân hàng tiếp tục nổi trội

Dư nợ tín dụng toàn hệ thống H1/2026 tăng 8,37% YTD (H1/2025: +9,9% YTD), riêng Q2/2026 tăng 5,03% QoQ – mức tăng theo quý cao nhất trong bốn quý gần nhất – sau khi NHNN kiểm soát tăng trưởng của từng NHTM không quá 25% chỉ tiêu cả năm trong Q1/2026. Tốc độ tăng trưởng trong Q2/2026 tiếp tục có sự phân hóa mạnh giữa các nhóm ngân hàng. Dẫn đầu đà tăng là các NHTM CP tham gia tái cơ cấu ngân hàng yếu kém (VPB: +23,1%, HDB: +20,1%, MBB: +13,1%) và TCB (+15,2%) nhờ tài trợ các dự án hạ tầng quốc gia nằm ngoài hạn mức tín dụng NHNN cấp cho ngân hàng. Ở chiều ngược lại, nhóm NHTM Nhà nước có mức tăng khiêm tốn hơn, chỉ đạt 5,2% YTD, trong khi một số ngân hàng khác duy trì mức tăng trưởng rất thấp như EIB (+0,8%), SGB (+1,1%) và STB (+3,0%). Chúng tôi cho rằng sự phân hóa này sẽ tiếp tục duy trì trong nửa cuối năm khi hạn mức được ưu tiên cho một số NHTM tham gia tái cơ cấu ngân hàng yếu kém.

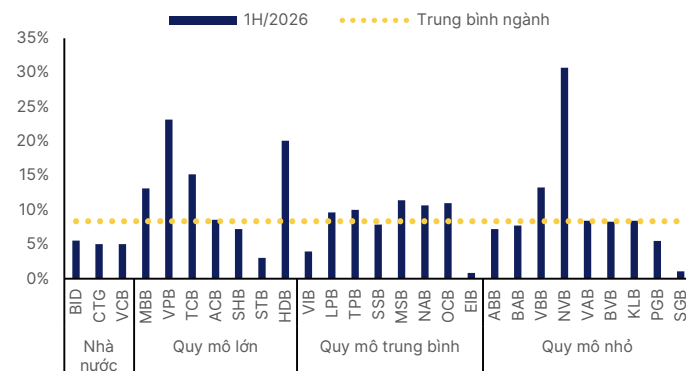
Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống lũy kế theo tháng [%YTD]



Nguồn: NHNN, TMR

Ghi chú: Số liệu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống cập nhật đến T7/2026

Tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng trong danh mục theo dõi [%YTD]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tín dụng kinh doanh bất động sản và xây dựng hạ tầng tiếp tục dẫn dắt, đẩy tỷ trọng cho vay trung dài hạn lên mức cao nhất kể từ 2022

Khách hàng doanh nghiệp tiếp tục hấp thụ phần lớn vốn mới trong Q2/2026. Theo số liệu công bố của một số NHTMCP², dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng 29,7% YoY, gần gấp đôi mức 16,0% YoY của khách hàng cá nhân. Chênh lệch thể hiện rõ ở lĩnh vực bất động sản, dư nợ cho vay kinh doanh BĐS tăng 26% YTD nhưng dư nợ cho vay mua nhà giảm 4,5% YTD, do nhu cầu thị trường yếu, lãi suất vay mua nhà ở mức cao và giá bán các dự án mới chưa thực sự có điều chỉnh.

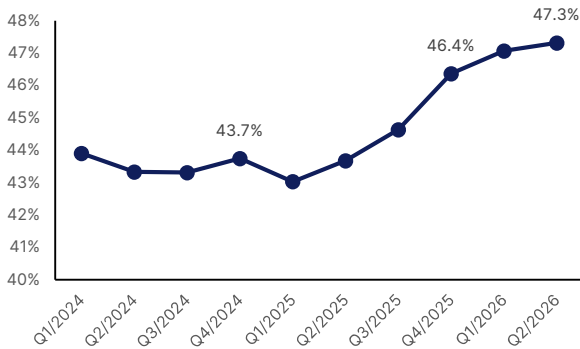
Tỷ trọng cho vay trung dài hạn của danh mục theo dõi tăng quý thứ năm liên tiếp lên 47,3% (Q4/2025: 46,4%), cao nhất kể từ năm 2022, dẫn đầu bởi STB (+347 đcb QoQ), MBB (+201 đcb) và VCB (+174 đcb). Số dư trái phiếu doanh nghiệp trên tổng tín dụng tăng lên 1,63% (Q1/2026: 1,22%), trong đó riêng TCB đóng góp 80% mức tăng khi nâng tỷ lệ này lên 10,75% (Q1/2026: 6,64%).

Một điểm cần lưu ý là cho vay lĩnh vực dịch vụ tài chính trên danh mục của nhóm một số NHTMCP² tăng 97,2% YoY, đóng góp 11% mức tăng dư nợ chung. Chúng tôi cho rằng một phần dòng vốn này đi qua các công ty chứng khoán để cấp vốn cho doanh nghiệp dưới hình thức cho vay ký quỹ hoặc các

² Ước lượng của chúng tôi dựa vào thông tin phân nhóm dư nợ tín dụng của NHTM do NHNN công bố và thông tin chi tiết của một số NHTM CP công bố trong BCTC.

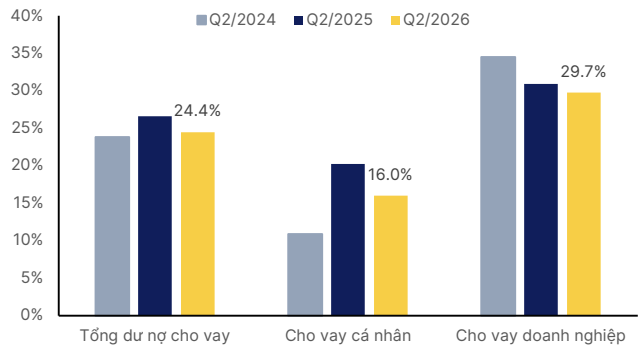
cấu trúc trái phiếu - kênh "shadow banking", có thể làm tích tụ rủi ro hệ thống.

Tỷ trọng cho vay trung dài hạn trong tổng dư nợ tín dụng [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

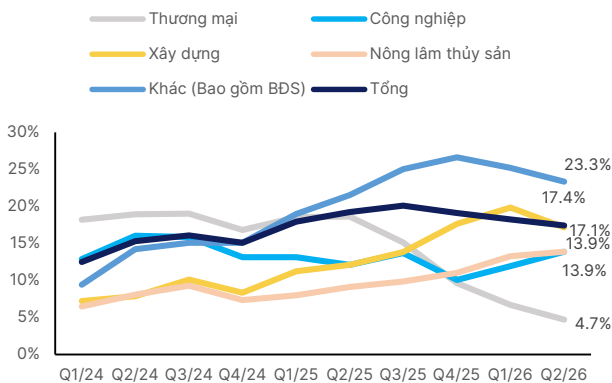
Tăng trưởng cho vay theo loại hình khách hàng [%YoY]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Ghi chú: Số liệu được tính trên thông tin công bố của các ngân hàng MBB, VPB, TCB, SHB, HDB, VIB, LPB, TPB, MSB, BVB, VAB, KLB, SGB, SSB và PGB

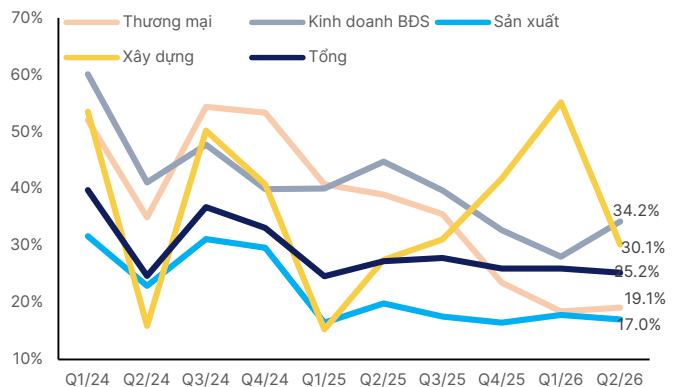
Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống theo lĩnh vực kinh tế [%YoY]



Nguồn: NHNN, TMR

Ghi chú: Số liệu cập nhật đến Q2/2026

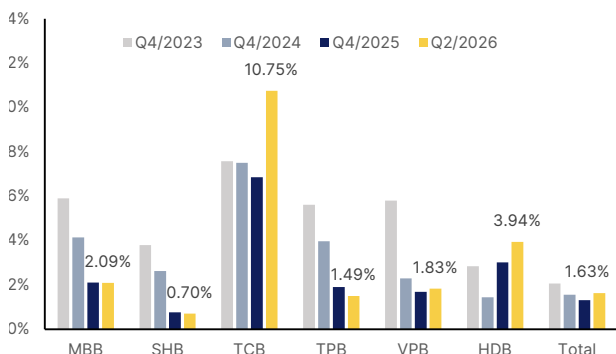
Tăng trưởng cho vay theo lĩnh vực kinh tế [%YoY]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

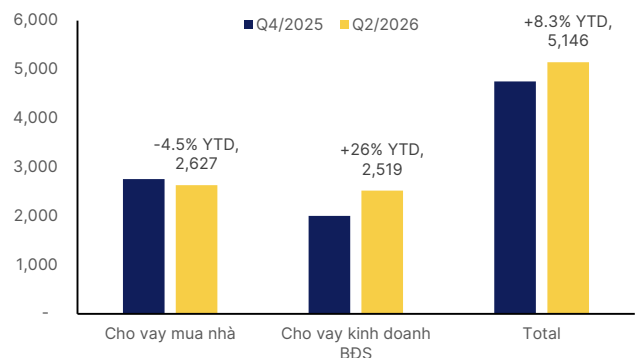
Ghi chú: Số liệu được tính trên thông tin công bố của các ngân hàng MBB, VPB, TCB, SHB, HDB, VIB, LPB, TPB, MSB, BVB, KLB và PGB

Tỷ trọng trái phiếu doanh nghiệp trên tổng dư nợ tín dụng [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Dư nợ tín dụng bất động sản [nghìn tỷ đồng]

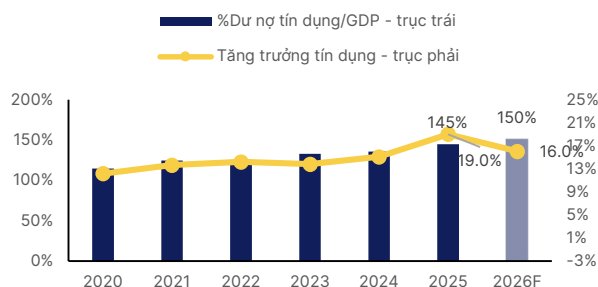


Nguồn: Bộ Xây dựng, SBV, TMR

Chúng tôi dự phóng tín dụng tăng 16% trong năm 2026, dẫn dắt bởi nhu cầu vốn cho các dự án hạ tầng và bất động sản trọng điểm

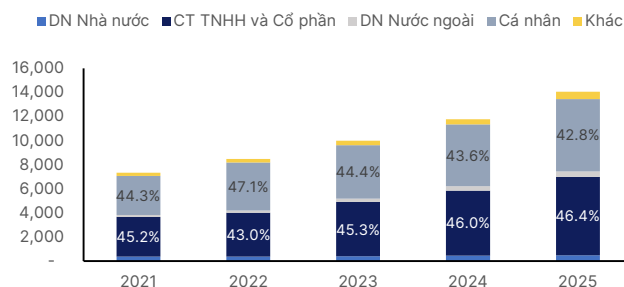
Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng tín dụng hệ thống năm 2026 đạt 16,0% và danh mục theo dõi đạt 16,9%, dẫn dắt bởi khách hàng doanh nghiệp gắn với các dự án hạ tầng và bất động sản trọng điểm. Dự địa nửa cuối năm đến từ tiến độ giải ngân đầu tư công tăng tốc vào cuối năm và từ 18 dự án hạ tầng đã được loại trừ khỏi chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng (nhu cầu vay khoảng 752 nghìn tỷ đồng) của các ngân hàng thương mại, bên cạnh 17 dự án đang chờ NHNN xem xét (khoảng 955 nghìn tỷ đồng) – phần lớn vốn vay dồn vào giai đoạn 2026–2028.

Tăng trưởng tín dụng và Tỷ lệ dư nợ tín dụng/GDP [%YoY]



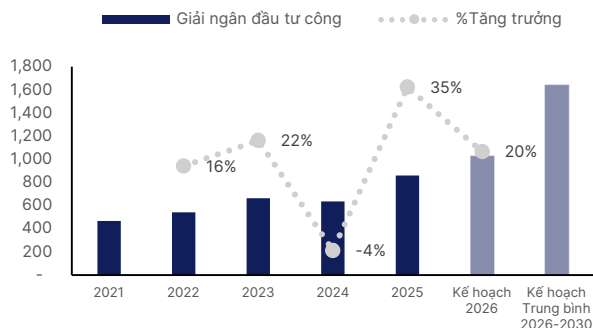
Nguồn: NHNN, TMR dự phóng

Tỷ trọng cho vay theo nhóm khách hàng [nghìn tỷ đồng]



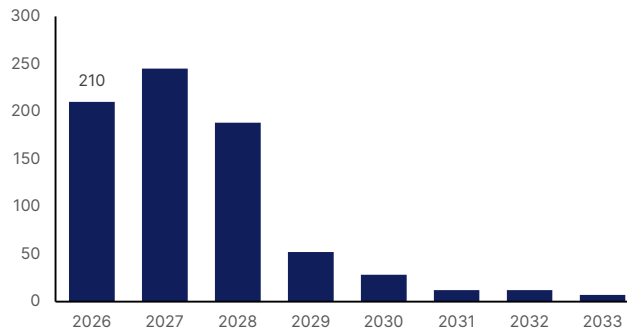
Nguồn: Các ngân hàng

Giải ngân đầu tư công [nghìn tỷ đồng]



Nguồn: Bộ Tài chính, TMR

Nhu cầu vốn của 18 dự án được loại trừ khỏi tăng trưởng tín dụng của các NHTM [nghìn tỷ đồng]



Nguồn: NHNN, TMR

NGUỒN VỐN VÀ THANH KHOẢN

NHTMNN được giảm bớt áp lực thanh khoản nhờ tiền gửi của Kho bạc, NHTMCP tiếp tục đa dạng các nguồn vốn bán buôn khi LDR thuần tăng cao

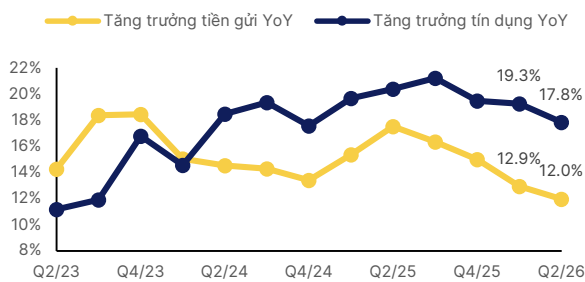
Tiền gửi khách hàng toàn hệ thống chỉ tăng 5,6% YTD trong H1/2026, thấp hơn đáng kể mức tăng tín dụng 8,37% YTD. Trong danh mục theo dõi, khoảng cách tăng trưởng của tín dụng – tiền gửi lớn nhất ở nhóm quy mô nhỏ³ (+13,75% so với +4,77% YTD), trong khi mức chênh lệch ở nhóm quy mô lớn nhỏ hơn (+12,65% so với +8,38% YTD). Nhóm NHTMNN bù đắp phần chênh lệch chủ yếu bằng nguồn tiền gửi Kho bạc Nhà nước, trong khi các NHTMCP tích cực đa dạng nguồn vốn bằng việc sử dụng linh hoạt vốn liên ngân hàng, phát hành giấy tờ có giá và vay nước ngoài (VPB, HDB, TCB) để tối ưu chi phí vốn.

³ Các ngân hàng ở nhóm quy mô nhỏ bao gồm: ABB, BAB, VBB, NVB, VAB, BVB, KLB, PGB và SGB.

Trong Q2/2026, tỷ lệ LDR theo quy định của NHNN tăng lên 79,8% (Q1/2026: 79,4%). Để giảm bớt áp lực huy động, NHNN đã nâng tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước được tính vào LDR từ 20% lên 50% (áp dụng 01/8/2026 – 31/7/2028), giúp nhóm NHTMNN giảm khoảng 2 đpt LDR theo ước tính của chúng tôi và bổ sung dư địa cho vay, qua đó tăng cung ứng vốn cho nền kinh tế trong giai đoạn giải ngân ngân sách chưa đạt kỳ vọng. Dù vậy, chúng tôi cho rằng đây vẫn là dư địa mang tính kỹ thuật và có thời hạn. Bên cạnh đó, nhằm tạo thêm khoảng đệm cho hệ thống, dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 22/2019 – trụ cột thanh khoản theo Basel III – đã được NHNN lấy ý kiến lần thứ ba trong tháng 7/2026 và giãn lộ trình áp dụng đến 01/10/2028, tạo ra khoảng đệm hai năm để các tổ chức tín dụng chuẩn bị, tạm thời đẩy lùi áp lực tuân thủ.

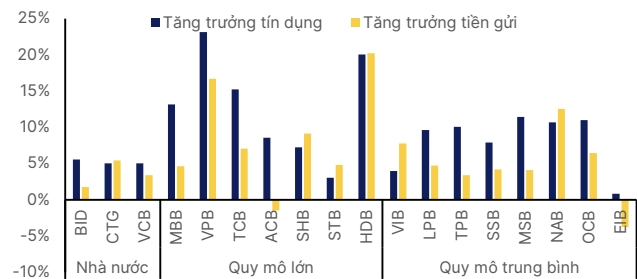
CASA của danh mục theo dõi gần như đi ngang QoQ, ở 20,95% tại Q2/2026 (Q1/2026: 20,83%) nhưng đã giảm 147 đcb so với cuối năm 2025, do lãi suất huy động tăng khiến khách hàng dịch chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn.

Tăng trưởng tiền gửi và tín dụng [% YoY]



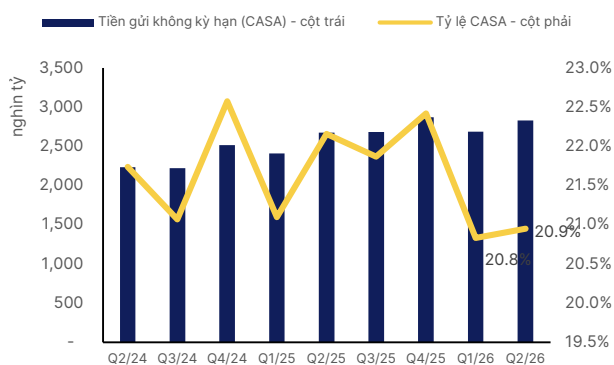
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tăng trưởng tiền gửi và tín dụng của một số ngân hàng [% YTD]



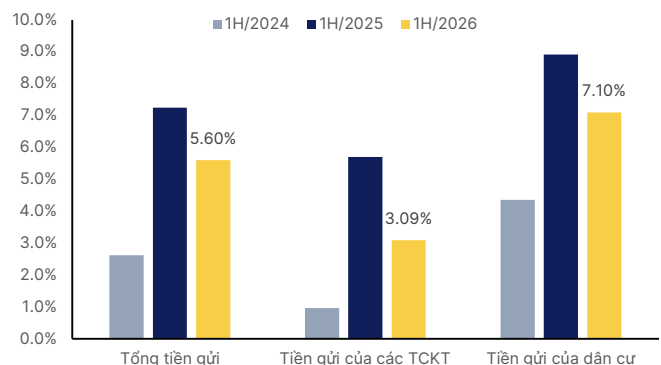
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn [%]



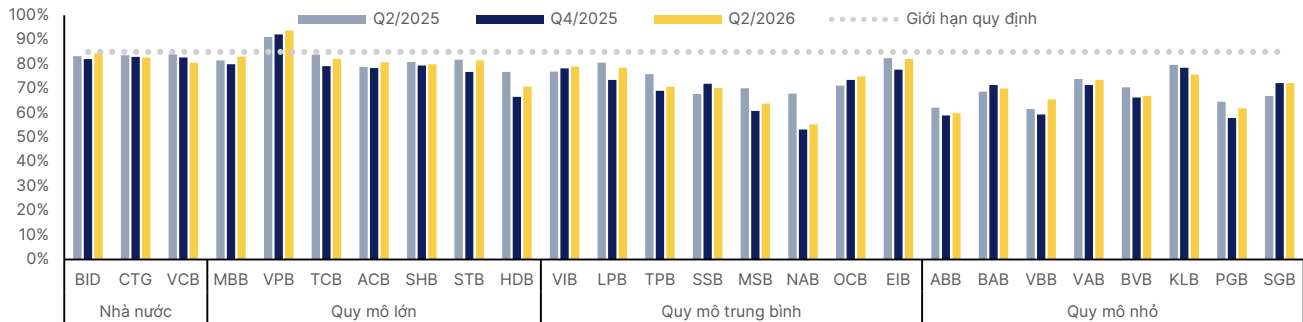
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tăng trưởng tiền gửi theo loại hình khách hàng toàn hệ thống [% YTD]



Nguồn: SBV, TMR
Ghi chú: Số liệu cập nhật đến Q2/2026

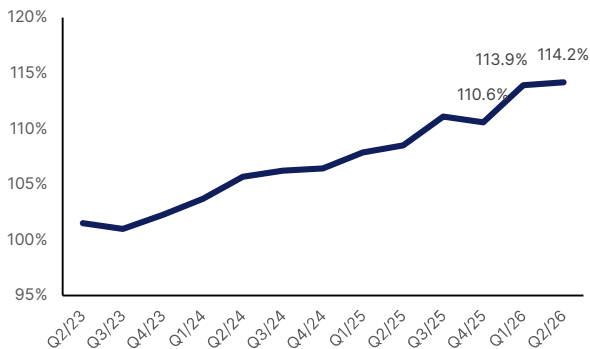
Tỷ lệ cho vay/huy động vốn [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

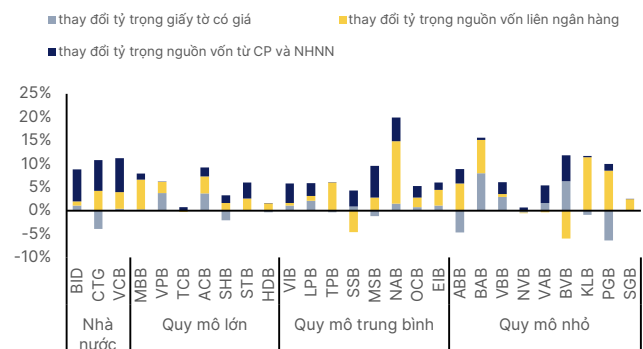
Ghi chú: LDR được ước tính dựa trên các số liệu của báo cáo tài chính được công bố bởi các ngân hàng. LDR quý Q2/2026 đã được ước tính dựa trên thông tư 08/2026/TT-NHNN.

Tỷ lệ Dự nợ cho vay/Tổng tiền gửi khách hàng [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Thay đổi tỷ trọng các nguồn vốn khác [điểm]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

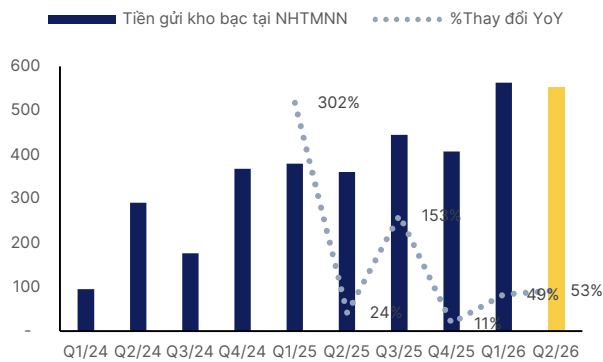
Ghi chú: Các số liệu thể hiện mức thay đổi tỷ trọng so với cùng kỳ (Q2/2026 so với Q2/2025)

Thanh khoản được kỳ vọng hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2026

Số dư tiền gửi Kho bạc Nhà nước (KBNN) tại nhóm NHTMNN niêm yết (BID, CTG, VCB) đạt 553 nghìn tỷ đồng tại cuối Q2/2026, tăng 36% so với cuối năm 2025 và 52% YoY. Mức tăng mạnh này phản ánh biến động theo tiến độ thu, chi ngân sách và tốc độ giải ngân đầu tư công chưa mạnh.

Chúng tôi kỳ vọng thanh khoản hệ thống sẽ bớt căng thẳng trong nửa cuối năm 2026, nhờ (i) tiến độ giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh giúp cải thiện dòng tiền trong nền kinh tế, (ii) hỗ trợ thanh khoản từ NHNN qua kênh thị trường mở và tái cấp vốn và (iii) cho phép gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất năm 2026 với quy mô ước tính 125 nghìn tỷ đồng, đồng thời được chủ động gửi nguồn ngân sách nhân rồi tại các NHTM. Ngoài ra, áp lực tỷ giá cũng đã hạ nhiệt khi cầu ngoại tệ trên thị trường tự do giảm, nếu xu hướng này duy trì, NHNN có thêm dư địa mua ngoại tệ giao ngay để bổ sung thêm thanh khoản cho hệ thống. Tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị toàn cầu là yếu tố cần được theo dõi – yếu tố có thể đẩy lạm phát và tỷ giá tăng trở lại, qua đó thu hẹp dư địa hỗ trợ thanh khoản của NHNN.

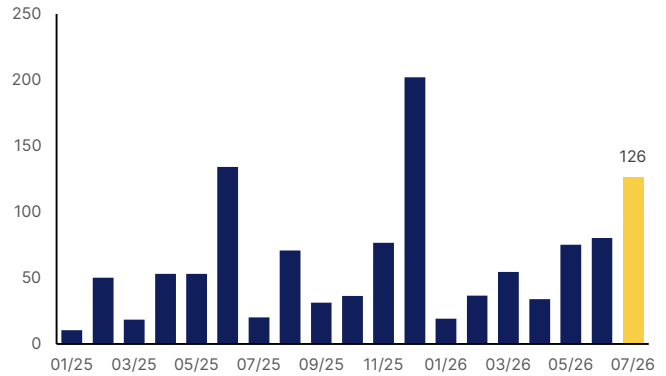
Tiền gửi kho bạc tại các NHTM Nhà nước [nghìn tỷ]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

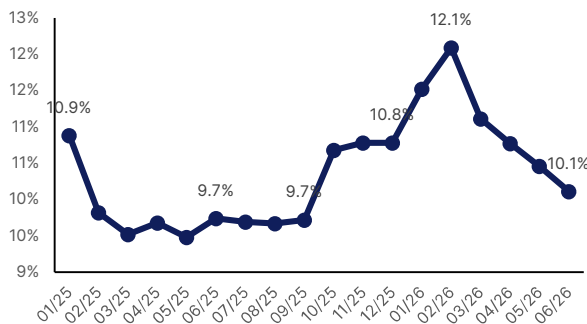
Ghi chú: Tiền gửi kho bạc được tính tổng của các NHTMNN bao gồm BID, CTG và VCB; số liệu cập nhật đến Q2/2026

Giải ngân đầu tư công [nghìn tỷ]



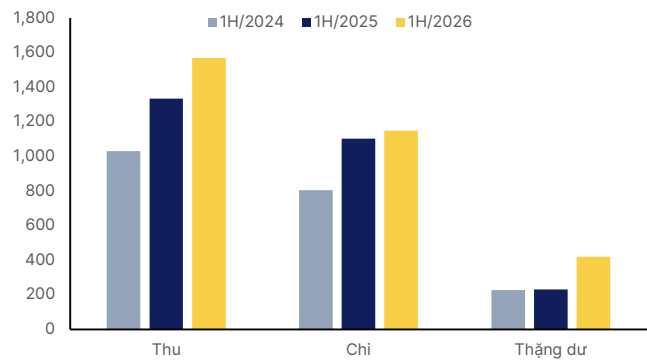
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ trọng tiền mặt lưu thông trên tổng phương tiện thanh toán [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tình hình thu chi ngân sách [%]

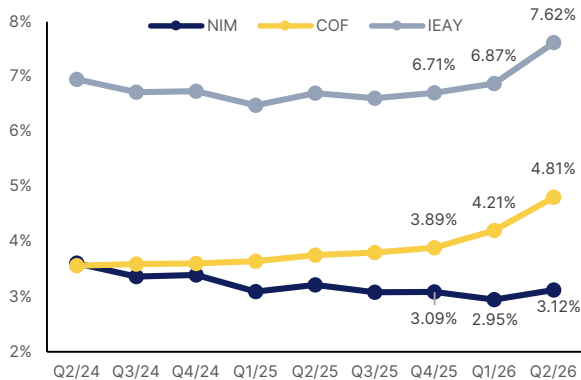


Nguồn: GSO, TMR

Lãi suất huy động duy trì ở mức cao, đẩy chi phí vốn tăng thêm 60 đcb QoQ trong Q2/2026

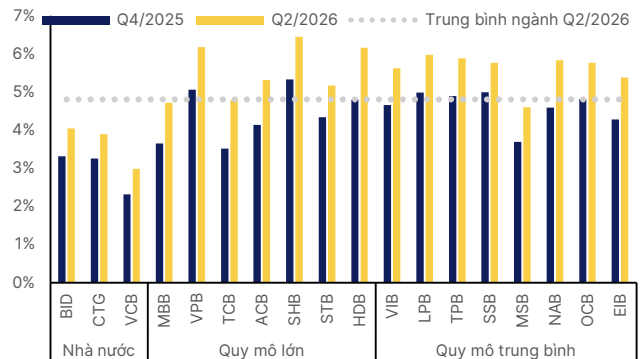
Chi phí vốn (COF) của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi tăng lên 4,81% trong Q2/2026 (Q1/2026: 4,21%; Q2/2025: 3,75%), tương ứng +106 đcb YoY. Chúng tôi nâng dự phóng COF của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi cả năm 2026 lên 4,60% (dự phóng trước: 4,47%; 2025: 3,71%). Mức điều chỉnh này không phản ánh kỳ vọng lãi suất huy động tiếp tục tăng, mà do mặt bằng lãi suất cao đã hình thành trong Q2/2026 vẫn duy trì trong phần còn lại của năm. Áp lực tăng lãi suất huy động trong nửa cuối năm chủ yếu đến từ nhu cầu vốn các dự án hạ tầng trọng điểm và 58 nghìn tỷ đồng trái phiếu BĐS đáo hạn. Tuy nhiên, áp lực này sẽ được giảm thiểu một phần nhờ Thông tư 25/2026, việc nới trần tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn lên 40% giúp các ngân hàng tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn, qua đó tiết giảm nhu cầu huy động kỳ hạn dài với chi phí cao.

Chi phí vốn [%/năm]



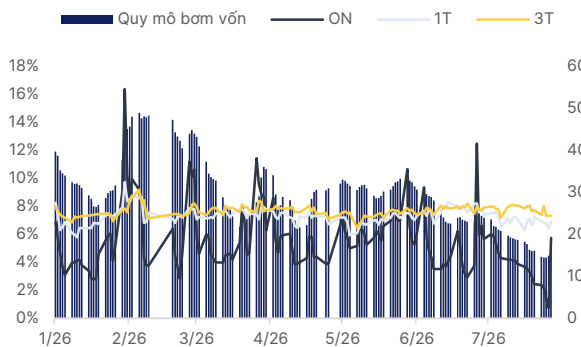
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Chi phí vốn của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%/năm]



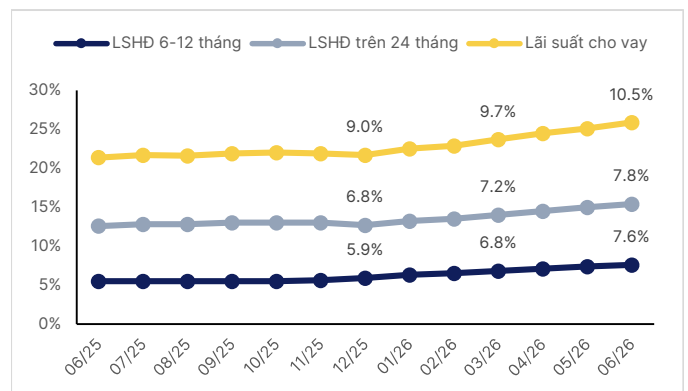
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Lãi suất liên ngân hàng [%/năm]



Nguồn: Fiinpro-X, TMR
Ghi chú: Số liệu cập nhật đến 04/08/2026

Lãi suất cho vay và tiền gửi bình quân hàng tháng [%/năm]



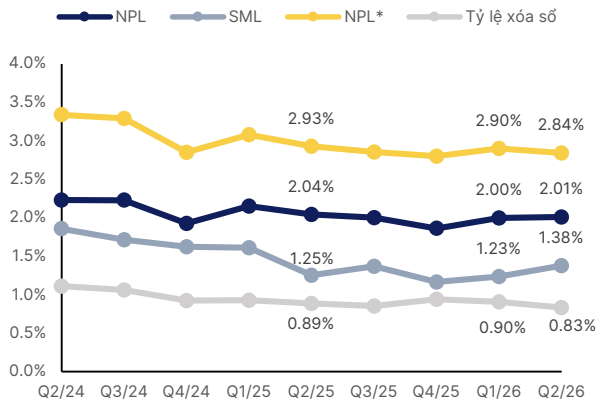
Nguồn: NHNN, TMR

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

Nợ nhóm 2 tăng mạnh trong Q2/2026 trong khi tỷ lệ nợ xấu đi ngang so với quý trước; bộ đệm dự phòng tiếp tục mỏng dần

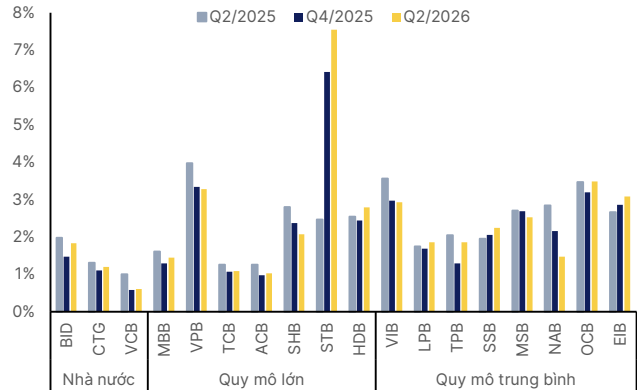
Tỷ lệ NPL của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi gần như đi ngang so với quý trước ở mức 2,01% tại Q2/2026 (Q1/2026: 2,00%; Q4/2025: 1,86%). STB đóng góp chính vào mức tăng của danh mục theo dõi, khi NPL tăng lên 7,54% (+92 đcb QoQ). Loại trừ STB, NPL của danh mục giảm nhẹ về 1,77% (Q1/2026: 1,79%). Ngược lại, tỷ lệ nợ nhóm 2 của danh mục theo dõi tăng 14 đcb QoQ lên 1,38% – cao nhất trong năm quý gần nhất – tập trung tại HDB (4,70%, +212 đcb QoQ), STB (2,65%, +170 đcb) và VBB (1,98%, +81 đcb), phản ánh áp lực nợ xấu mới có thể phát sinh trong nửa cuối năm 2026. Bộ đệm dự phòng tiếp tục suy giảm, LLCR toàn danh mục theo dõi cuối Q2/2026 giảm về 79,0% (-60 đcb QoQ, Q4/2025: 82,9%).

Tỷ lệ nợ xấu, nợ nhóm 2 [%]



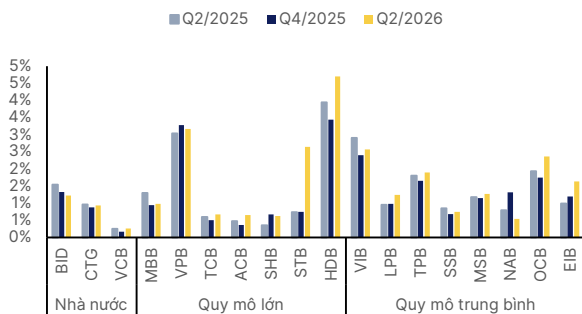
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ lệ nợ xấu của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



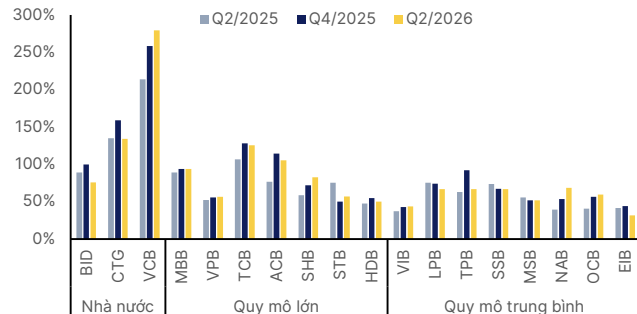
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ lệ nợ nhóm 2 của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ lệ LLCR của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



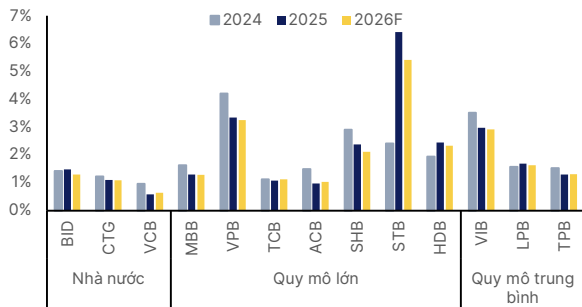
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Chúng tôi giữ dự phóng NPL 2026 ở mức 1,90%, trong khi bộ đệm dự phòng và chi phí tín dụng giảm nhẹ so với năm 2025

Chúng tôi giữ dự phóng NPL toàn danh mục ở mức 1,90% cho năm 2026 (2025: 1,86%), khi áp lực nợ xấu mới đang có xu hướng tăng, lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ở mức cao và tín dụng kinh doanh bất động sản tăng mạnh hai năm liên tiếp được cân bằng bởi mức tăng trưởng tín dụng mạnh bởi tăng trưởng kinh tế tích cực và chính sách tài khóa mở rộng.

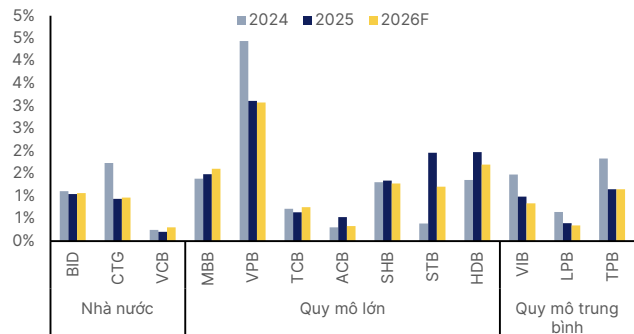
Bên cạnh đó, chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ LLCR của toàn danh mục sẽ giảm nhẹ về 81,9% vào cuối năm 2026, do các ngân hàng cân đối với lợi nhuận mục tiêu đề ra, tương ứng tổng chi phí tín dụng giảm nhẹ về mức 1,08%, thấp hơn mức 1,11% ghi nhận vào năm 2025.

Tỷ lệ nợ xấu của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR dự phóng

Chi phí tín dụng của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



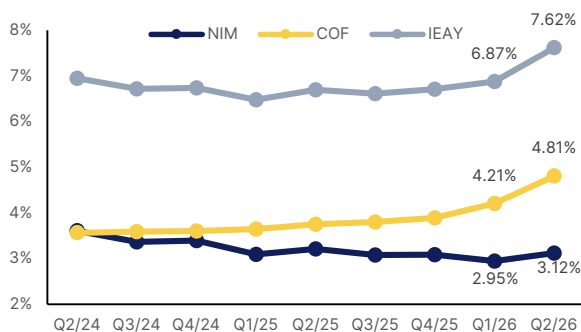
Nguồn: Các ngân hàng, TMR dự phóng

KHẢ NĂNG SINH LỜI

NIM của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi phục hồi trong Q2/2026 và ở mức cao nhất trong 4 quý gần nhất

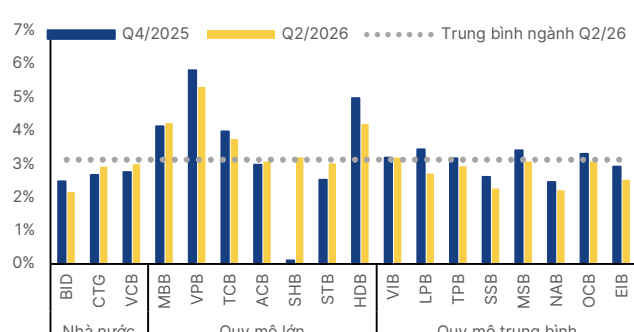
Biên lãi ròng (NIM) của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi phục hồi lên 3,12% trong Q2/2026, từ mức 2,95% tại Q1/2026. Động lực đến từ IEAY tăng 74 đcb QoQ lên 7,62%, vượt mức tăng 60 đcb QoQ của COF, phản ánh (i) lợi suất cho vay bắt kịp chi phí vốn khi các khoản vay lần lượt đến kỳ điều chỉnh lãi suất và (ii) tỷ trọng cho vay trung dài hạn tiếp tục duy trì xu hướng tăng so với cuối năm 2025. Mặc dù có sự cải thiện QoQ, NIM Q2/2026 thực tế vẫn thấp hơn so với mức 3,21% của Q2/2025; tính chung H1/2026, NIM đạt 3,02% (giảm so với mức 3,12% của H1/2025). Chúng tôi duy trì dự phóng NIM 2026 của toàn ngân hàng trong danh mục ở mức 3,04% (2025: 3,06%).

IEAY, NIM và COF [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

NIM của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]

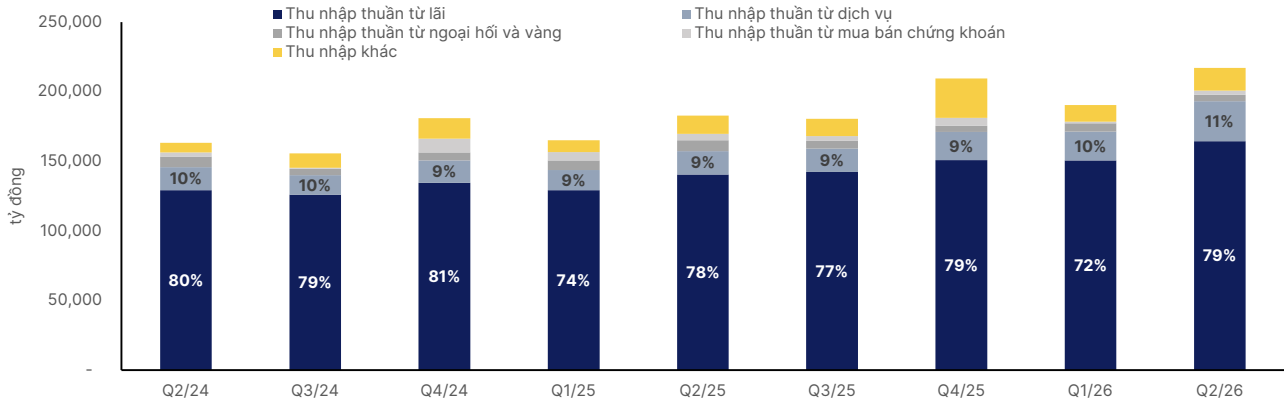


Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Thu nhập lãi thuần và thu nhập dịch vụ cùng tăng tốc, đưa tổng thu nhập hoạt động tăng 18,8% YoY trong Q2/2026

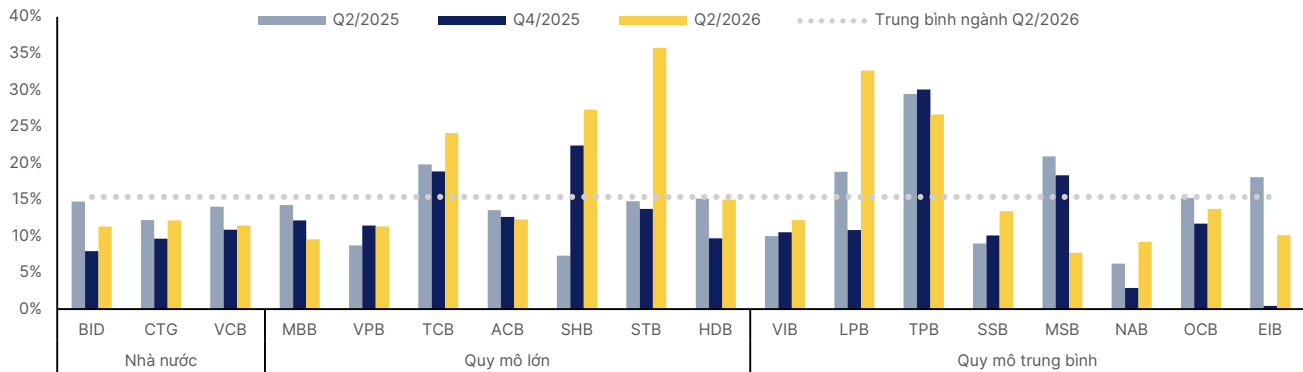
Tổng thu nhập hoạt động (TOI) toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi tăng 18,8% YoY trong Q2/2026 (H1/2026: +17,1% YoY), dẫn dắt bởi (i) thu nhập lãi thuần tăng 17,0% YoY nhờ dư nợ cho vay tăng 17,8% YoY và (ii) thu nhập ngoài lãi tăng 24,6% YoY, chủ yếu đến từ mảng dịch vụ (+70% YoY) và hoạt động khác (+25,7% YoY). Chúng tôi dự phóng thu nhập ngoài lãi năm 2026 của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi tăng 4,8% YoY, với thu nhập dịch vụ +23,5% YoY; trong khi kinh doanh ngoại hối, vàng và mua bán chứng khoán tiếp tục giảm; thu nhập từ xử lý nợ xấu khó lặp lại mức tăng trưởng đột biến của năm 2025.

Tỷ trọng cơ cấu thu nhập [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ, kinh doanh ngoại hối và vàng trong tổng thu nhập hoạt động [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

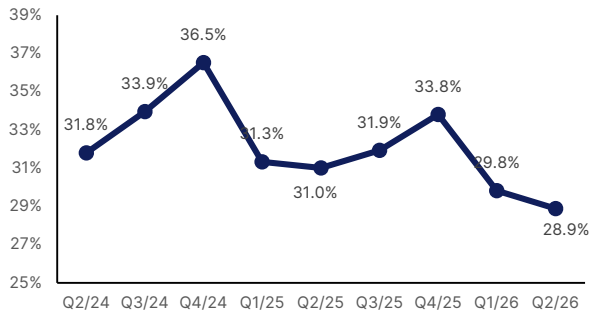
Chi phí hoạt động tiếp tục được kiểm soát tốt, hỗ trợ lợi nhuận tăng tốc trong Q2/2026

Tổng LNST của các ngân hàng trong danh mục theo dõi tăng 25,4% YoY trong Q2/2026 (H1/2026: +19,8% YoY), nhờ sự dẫn dắt của thu nhập lãi thuần (+17,0% YoY) và thu nhập dịch vụ (+70,0% YoY), cùng với việc chi phí hoạt động được kiểm soát tốt (CIR giảm về 28,9% – thấp nhất kể từ năm 2021), bù đắp cho sự gia tăng của chi phí tín dụng (tăng lên 1,16% do chất lượng tài sản suy giảm).

Chúng tôi giữ kỳ vọng tổng LNST năm 2026 của các ngân hàng trong danh mục theo dõi tăng 13,5% YoY, được hỗ trợ bởi (i) thu nhập lãi thuần tăng 16,6% YoY khi tăng trưởng tín dụng ước đạt 16,9% YoY bù đắp cho NIM giảm nhẹ và (ii) CIR duy trì quanh 32,0% (2025: 32,1%). Dự phóng của chúng tôi phản ánh kỳ vọng của chúng tôi về tốc độ tăng trưởng LNST sẽ chậm lại trong nửa cuối năm khi nền so sánh của H2/2025 cao hơn và NIM vẫn còn chịu áp lực.

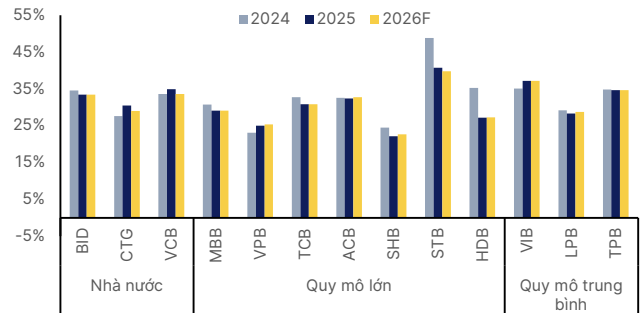
Tăng trưởng lợi nhuận dự kiến tiếp tục phân hóa giữa các nhóm: VPB và HDB dẫn dắt với LNST dự phóng tăng trên 25% YoY; nhóm NHTMNN (VCB, BID, CTG) tăng ở 10% – 15% YoY; trong khi, nhóm các ngân hàng phụ thuộc nhiều vào thu nhập lãi chịu áp lực NIM, có mức tăng trưởng dưới mặt bằng chung.

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập [%]



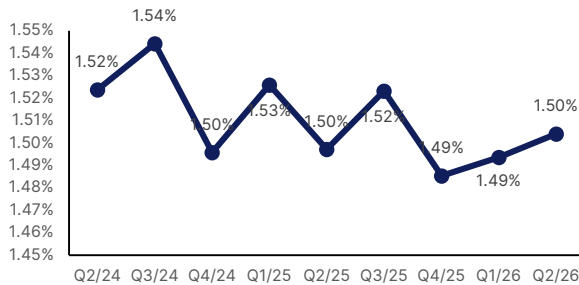
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

CIR của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



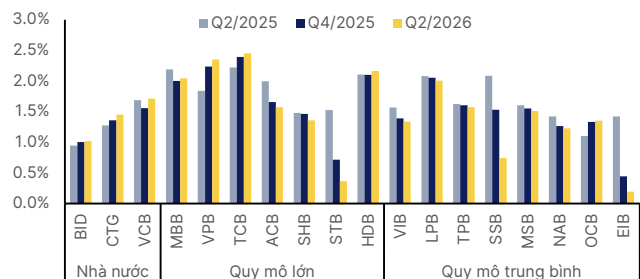
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

ROA trượt 12 tháng [%]



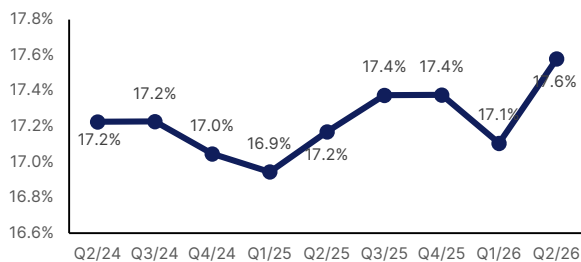
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

ROA trượt 12 tháng của một số NH trong danh mục theo dõi [%]



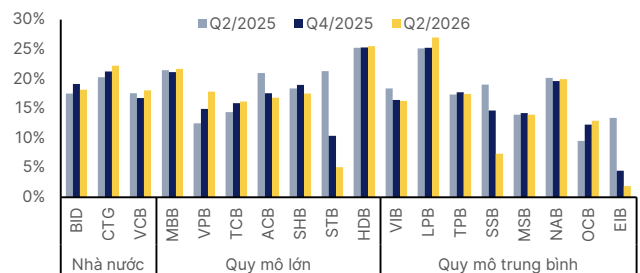
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

ROE trượt 12 tháng [%/năm]



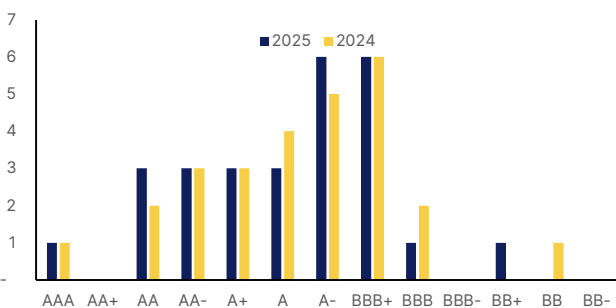
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

ROE trượt 12 tháng của một số NH trong danh mục theo dõi [%/năm]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

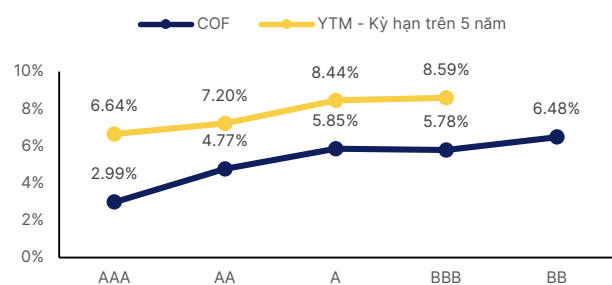
Phân bố xếp hạng tín nhiệm sơ bộ của các NHTM [Số lượng]



Nguồn: TMR

Ghi chú: Đây là xếp hạng tín nhiệm sơ bộ của TMR dựa trên các số liệu báo cáo tài chính năm 2025 và 2024 được các ngân hàng công bố.

COF và YTM bình quân [%/năm]



Nguồn: TMR

Ghi chú: Xếp hạng tín nhiệm sơ bộ của TMR dựa trên các số liệu báo cáo tài chính năm 2025 và 2024 được các ngân hàng công bố; COF cập nhật đến Q2/2026

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC NGÂN HÀNG TRONG DANH MỤC THEO DÕI

STT	Mã	Tên ngân hàng	Phân loại (*)
1	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	NHTMCP Nhà nước
2	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	NHTMCP Nhà nước
3	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	NHTMCP Nhà nước
4	MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	NHTMCP Quy mô lớn
5	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	NHTMCP Quy mô lớn
6	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	NHTMCP Quy mô lớn
7	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	NHTMCP Quy mô lớn
8	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	NHTMCP Quy mô lớn
9	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	NHTMCP Quy mô lớn
10	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	NHTMCP Quy mô lớn
11	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	NHTMCP Quy mô Trung bình
12	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	NHTMCP Quy mô Trung bình
13	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	NHTMCP Quy mô Trung bình
14	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	NHTMCP Quy mô Trung bình
15	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	NHTMCP Quy mô Trung bình
16	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	NHTMCP Quy mô Trung bình
17	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	NHTMCP Quy mô Trung bình
18	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	NHTMCP Quy mô Trung bình
19	ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	NHTMCP Quy mô nhỏ
20	BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	NHTMCP Quy mô nhỏ
21	VBB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	NHTMCP Quy mô nhỏ
22	NVB	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	NHTMCP Quy mô nhỏ
23	VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	NHTMCP Quy mô nhỏ
24	BVB	Ngân hàng TMCP Bản Việt	NHTMCP Quy mô nhỏ
25	KLB	Ngân hàng TMCP Kiên Long	NHTMCP Quy mô nhỏ
26	PGB	Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	NHTMCP Quy mô nhỏ
27	SGB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	NHTMCP Quy mô nhỏ

Ghi chú: (*) Theo cách thức phân loại các ngân hàng của TMR

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2024	2025	H1/2026	2026F Dự báo mới	2026F Dự báo Trước
Tăng trưởng tín dụng	% YoY	13,7%	15,1%	19,1%	17,4%	16,0%	16,0%
Biên lãi ròng (NIM)	%/năm	3,45%	3,35%	3,06%	3,02%	3,04%	3,04%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	%	1,94%	1,92%	1,86%	2,01%	1,90%	1,90%
Tỷ lệ chi phí trên tổng thu nhập (CIR)	%	34,3%	33,6%	32,1%	29,3%	32,0%	32,0%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	% YoY	2,9%	17,7%	19,5%	19,8%	13,5%	13,4%
Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	%	1,47%	1,49%	1,49%	1,50%	1,44%	1,44%
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ (ROE)	%	17,0%	17,1%	17,4%	17,6%	16,6%	16,5%

Nguồn: Các ngân hàng, TMR tổng hợp và dự phóng
 Ghi chú: Chỉ tiêu Tăng trưởng tín dụng là số liệu của toàn hệ thống ngân hàng, các chỉ tiêu còn lại được tính trên số liệu tổng của các ngân hàng trong danh mục theo dõi

PHỤ LỤC 3: CẬP NHẬT THAY ĐỔI CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ TRONG Q2/2026

Quy định	Các điểm chính	Ảnh hưởng
Thông tư 25/2026/TT-NHNN (ban hành 22/6/2026, hiệu lực 01/7/2026) – sửa đổi Thông tư 22/2019, nói trắn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	- Nâng tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung, dài hạn từ 30% lên 40%. - Bổ sung điểm a(iii) khoản 4 Điều 20, tạo cơ sở để NHNN quyết định tỷ lệ khấu trừ tiền gửi có kỳ hạn của KBNN khi tính LDR.	- Giảm áp lực huy động kỳ hạn dài – cấu phần có chi phí cao nhất, qua đó hỗ trợ COF trong nửa cuối năm 2026. - Hưởng lợi rõ nhất là các ngân hàng có tỷ trọng cho vay trung dài hạn cao: OCB (72,1%), SHB (65,9%), TPB (64,6%), MSB (61,1%) tại Q2/2026.
Quyết định 1743/QĐ-NHNN (ban hành 30/7/2026) – nâng tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của KBNN được tính vào LDR từ 20% lên 50%	- Tính 50% tiền gửi có kỳ hạn của KBNN vào tổng huy động khi tính LDR. - Hiệu lực từ 01/8/2026 đến hết 31/7/2028.	- Hưởng lợi chính là nhóm NHTMNN (BID, CTG, VCB) nắm ~99% tiền gửi KBNN; giảm LDR khoảng 2%, bổ sung dư địa cho vay. - Nhóm NHTMCP gần như không bị tác động khi tỷ trọng số dư tiền gửi KBNN thấp.

Nguồn: TMR tổng hợp

Thông tin liên hệ

Khối Nghiên cứu và Phân tích

Nguyễn Anh Duy

Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích
duyna@tmr.vn

Lại Thế Ngọc

Phó Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
ngoclt@tmr.vn

Nguyễn Duy Tùng

Phó Trưởng phòng
Khối Định chế Tài chính
tungnd@tmr.vn

Trần Thu Hà

Chuyên viên cao cấp
Khối Định chế Tài chính
hatt@tmr.vn

Nguyễn Chí Dũng

Chuyên viên
Khối Định chế Tài chính
dungnc@tmr.vn

Vũ Trọng Hiếu

Phó Trưởng phòng
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
hieuvt@tmr.vn

Phạm Hương Giang

Phó Trưởng phòng
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
giangph@tmr.vn

Vũ Thị Tuyết Mai

Chuyên viên cao cấp
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
maivtt@tmr.vn

Xếp hạng tín nhiệm (“XHTN”) của Thiên Minh Rating là những ý kiến về rủi ro tín dụng tương đối trong tương lai của một tổ chức phát hành hoặc một tổ chức có công cụ nợ được xếp hạng tín nhiệm. XHTN sẽ đánh giá các rủi ro cơ bản theo quy định của pháp luật Việt Nam (bao gồm nghị định 88/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2014 của chính phủ Việt Nam) về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm tùy từng thời điểm, xếp hạng tín nhiệm không giải quyết bất kỳ rủi ro nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn ở rủi ro thanh khoản, rủi ro giá trị thị trường hoặc biến động giá cả.

Kết quả XHTN mang tính dự báo và dựa trên các giả định về diễn biến trong tương lai, do đó không thể được xác minh hoàn toàn tại thời điểm công bố. Ngay cả khi dữ liệu hiện tại đã được xác minh, kết quả xếp hạng vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi các sự kiện hoặc yếu tố không lường trước.

Báo cáo XHTN, các đánh giá, ý kiến và tài liệu phát hành của Thiên Minh Rating không phải là tư vấn đầu tư tài chính và không bao hàm, ám chỉ hay hướng dẫn bất kỳ ai trong việc mua, bán hay nắm giữ cổ phiếu, vốn góp hay công cụ nợ nào. Xếp hạng tín nhiệm cũng không đánh giá tính hợp lý của giá thị trường, sự phù hợp của công cụ nợ với nhà đầu tư cụ thể, hay các vấn đề liên quan khác. Thiên Minh Rating không tham gia vào hoạt động tư vấn phát hành, quản lý rủi ro, bảo lãnh phát hành hay phân phối với tổ chức được xếp hạng tín nhiệm hay tổ chức có công cụ nợ được xếp hạng tín nhiệm.

Khi đưa ra báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm và các báo cáo khác, TMR dựa trên dữ liệu thực tế nhận được từ khách hàng, các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin hợp pháp khác. TMR có thể tiến hành nhưng không bắt buộc quy trình đánh giá và xác minh thông tin được cung cấp. Tuy nhiên, mức độ đánh giá và xác minh của TMR thay đổi tùy theo bản chất của tổ chức phát hành hay công cụ nợ được xếp hạng, yêu cầu phân tích, đánh giá, thẩm định đầu tư, yêu cầu pháp lý, tính minh bạch của thông tin công khai, khả năng tiếp cận ban lãnh đạo và các xác minh từ bên thứ ba như báo cáo kiểm toán, báo cáo thẩm định, báo cáo kỹ thuật, ý kiến pháp lý và các tài liệu liên quan khác. TMR không đảm bảo tính chính xác hoặc đầy đủ tuyệt đối của tất cả thông tin sử dụng trong quá trình xếp hạng hoặc lập báo cáo. Trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của thông tin thuộc về tổ chức phát hành trong các tài liệu công bố.

TMR không cam kết rằng báo cáo này hoặc bất kỳ nội dung nào của báo cáo sẽ đáp ứng mọi yêu cầu của người đọc. Xếp hạng của TMR là ý kiến về mức độ tín nhiệm của một tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ. Ý kiến này và các báo cáo khác của TMR dựa trên các tiêu chí và phương pháp đánh giá được thiết lập và TMR liên tục đánh giá, cập nhật phương pháp đó. Do đó, báo cáo xếp hạng tín nhiệm và các báo cáo khác là sản phẩm của TMR mà không có một cá nhân hoặc nhóm cá nhân nào chịu trách nhiệm duy nhất về một báo cáo cụ thể này. Tất cả các báo cáo của TMR đều có sự đóng góp của nhiều tác giả. Một báo cáo xếp hạng tín nhiệm của TMR không phải là bản cáo bạch và không thay thế thông tin mà tổ chức phát hành cung cấp cho nhà đầu tư khi bán công cụ nợ.

Văn bản này, bao gồm tất cả nội dung, phân tích và tài liệu được trình bày ở đây, là tài sản độc quyền của Thiên Minh Rating và được bảo vệ bởi luật bản quyền hiện hành. Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong và đối với báo cáo và nội dung của nó, bao gồm nhưng không giới hạn ở văn bản, đồ họa, dữ liệu và các tài sản trí tuệ khác, đều thuộc sở hữu hoặc cấp phép của Thiên Minh Rating. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép, phân phối hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm sao chụp, ghi âm hoặc lưu trữ điện tử, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Thiên Minh Rating. Việc sử dụng, sao chép hoặc phân phối trái phép báo cáo này hoặc bất kỳ nội dung nào của báo cáo này đều bị cấm và có thể vi phạm luật bản quyền, nhãn hiệu hoặc luật sở hữu trí tuệ khác. Bất kỳ việc sử dụng hoặc sửa đổi trái phép nội dung của báo cáo đều có thể dẫn đến hành động pháp lý. Tất cả các nhãn hiệu, nhãn hiệu dịch vụ và logo được sử dụng trong báo cáo này là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.